

Bản án số: 237/2023/DS-PT
Ngày: 13-7-2023
V/v “Tranh chấp
hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc
Ông Nguyễn Văn Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2023/QĐ-PT ngày 20/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Bảo T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số D, Đường N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (theo giấy ủy quyền ngày 29/6/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1958;

2.2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn, bà Trần Thị Thu V.

(Tất cả đều có mặt)

NHẬN THẤY:

* Bà **Võ Thị Ngọc N** là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà **Trần Thị Thu V** tham gia chơi hội do ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** làm chủ hội, bà **V** đã hốt hội nhưng không đóng hội lại theo thỏa thuận. Đến ngày 15/10/2020 có một số dây hội đã mãn và một số dây hội chưa mãn, ông **T** đã khởi kiện bà **V**, ông **H** đối với số tiền vi phạm đến ngày 15/10/2020 là 656.000.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và được Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021. Hiện nay các dây hội đã mãn hết nhưng bà **V** không thanh toán cho ông **T**. Do đó, ông **T** tiếp tục khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với các phần hội bà **V** còn nợ từ ngày 15/10/2020 đến khi mãn hội như sau:

1. Ngày 15/8/2019 bà **V** tham gia 2 dây hội:

- Dây 1: hội tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng 20 phần, khai ngày 15/8/2019, mãn ngày 15/3/2021. Bà **V** tham gia 1 phần, hốt ngày 15/9/2019 (kỳ số 2) với số tiền 11.300.000 đồng. Từ ngày 15/10/2020 đến 15/3/2021 bà vẫn còn nợ 5 tháng hội với số tiền 5.000.000 đồng.

- Dây 2. Hội tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2019, mãn ngày 15/3/2021, tổng 20 phần, bà **Thu V** tham gia 02 phần:

+ Phần 1: bà **V** hốt hội vào ngày 15/8/2019 với số tiền 21.800.000 đồng. Bà **V** nợ tiền hội từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/3/2021 là 05 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Phần 2: bà **V** hốt hội ngày 15/10/2019 với số tiền là 23.230.000 đồng. Bà **V** nợ tiền hội từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/3/2021 là 05 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng.

2. Ngày 20/7/2019, bà **Thu V** tham gia tất cả 02 dây hội:

- Dây 1. Hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/7/2019, mãn ngày 20/02/2021, tổng 20 phần, bà **Thu V** tham gia 01 phần. Ngày 20/10/2019 bà **Thu V** đã hốt hội với số tiền 12.340.000 đồng. Bà **V** nợ hội tính từ ngày 20/10/2020 đến ngày 20/02/2021 là 05 tháng với tổng số tiền là 5.000.000 đồng.

- Dây 2. Hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2019, mãn ngày 20/02/2021, tổng 20 phần, bà **Thu V** tham gia 03 phần: Phần 1: hốt ngày 20/9/2019 với số tiền 23.315.000 đồng; Phần 2: hốt ngày 20/9/2019 với số tiền 23.400.000 đồng; Phần 3: hốt ngày 20/10/2019 số tiền 24.200.000 đồng. Từ ngày 20/10/2020 đến ngày mãn hội 20/02/2021 là 05 tháng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

3. Ngày 30/3/2019, bà **Thu V** tham gia tất cả 02 dây hội:

- Dây 1. Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/3/2019, mẫn ngày 30/10/2020, tổng 20 phần, bà **V** tham gia 01 phần và đã hốt ngày 30/4/2019 với số tiền 11.300.000 đồng. Bà **V** còn nợ 1 tháng hụi ngày 30/10/2020 là 1.000.000 đồng.

Dây 2. Hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2019, mẫn ngày 30/10/2020, tổng 20 phần, bà **V** tham gia 03 phần: phần 1: hốt ngày 30/3/2019 với số tiền là 23.320.000 đồng; phần 2: hốt ngày 30/4/2019 với số tiền là 22.600.000 đồng; phần 3: hốt ngày 30/7/2019 với số tiền 27.025.000 đồng. Bà **V** còn nợ 1 tháng hụi ngày 30/10/2020 với tổng số tiền 6.000.000 đồng.

4. Ngày 10/6/2019, bà **Thu V** tham gia tất cả 02 dây hụi:

- Dây 1. Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/6/2019, mẫn ngày 10/01/2021, tổng 20 phần, bà **Thu V** tham gia 02 phần: Phần 1: hốt ngày 10/6/2019 với số tiền 10.900.000 đồng. Phần 2: hốt ngày 10/7/2019 với số tiền 11.570.000 đồng. Bà vẫn còn nợ tiền hụi từ 10/11/2020 đến ngày 10/01/2021 là 03 tháng với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

- Dây 2. Hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2019, mẫn ngày 10/01/2021, tổng 20 phần, bà **V** tham gia 02 phần: phần 1 hốt ngày 10/7/2019 với số tiền 22.330.000 đồng, phần 2 hốt ngày 10/8/2019 với số tiền 25.865.000 đồng. Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 10/01/2021 bà **V** nợ 03 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà **V** nợ ông **T** từ ngày 15/10/2020 đến khi mẫn hụi là 85.000.000 đồng, ông **T** yêu cầu bà **V** và ông **H** liên đới trả số tiền 85.000.000 đồng cho ông **T**.

* Bị đơn bà **Trần Thị Thu V** trình bày:

Bà **V** thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian tham gia hụi, số dây hụi, số phần hụi và số tiền bà đã hốt hụi. Tuy nhiên, vào năm 2021 ông **T** đã khởi kiện bà đối với các dây hụi này và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức. Theo đó, bà phải có nghĩa vụ trả cho ông **T** 550.000.000 đồng là toàn bộ khoản nợ của bà đối với ông **T** sau khi đã căn trừ các phần hụi sống của bà chưa hốt. Khi giải quyết vụ án trước đây người đại diện theo ủy quyền của ông **T** không nói cho bà biết là sau khi giải quyết xong vụ án bà vẫn còn nợ nên nay bà không đồng ý số nợ 85.000.000 đồng ông **T** khởi kiện.

Bà và ông **Huỳnh Văn H** là vợ chồng, hiện nay quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại. Bà xác định việc tham gia hụi của bà với ông **T** thì chồng bà là ông **H** không biết nên ông **H** không có liên quan và trách nhiệm gì trong vụ án này.

Bị đơn ông **Huỳnh Văn H**: Tại cấp sơ thẩm vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hụi còn nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Bảo T đối với bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H về việc tranh chấp “hợp đồng góp hui”.

2. Buộc bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng Bảo T số tiền hui còn nợ là 85.000.000 đồng (T1 mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu V được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng Bảo T 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0012354 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/4/2023, bị đơn bà Trần Thị Thu V kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Bảo T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Huỳnh Văn H cho rằng việc chơi hui do bà V thực hiện, ông hoàn toàn không biết, ông đã nhận được Bản án sơ thẩm nhưng không có kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tố tụng. Kháng cáo của bà **Trần Thị Thu V** trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm buộc bà **Trần Thị Thu V** và ông **Huỳnh Văn H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** số tiền 85.000.000 đồng tiền nợ hui chưa đóng là có cơ sở. Bà **Trần Thị Thu V** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết số tiền nợ hui còn thiếu cho ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà **Trần Thị Thu V** được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bản án sơ thẩm đã tuyên: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** đối với bà **Trần Thị Thu V** và ông **Huỳnh Văn H** về việc tranh chấp “hợp đồng góp hui”. 2. Buộc bà **Trần Thị Thu V** và ông **Huỳnh Văn H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** số tiền hui còn nợ là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng). Bà **V** kháng cáo, ông **H** không kháng cáo.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bà **Trần Thị Thu V**: Trước đây ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** đã khởi kiện vợ chồng bà **V**, ông **H** trả tiền nợ hui trong các dây hui nêu trên và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức. Theo đó, bà phải có nghĩa vụ trả cho ông **T** số tiền 550.000.000 đồng là toàn bộ khoản nợ của bà đối với ông **T** sau khi đã trừ các phần hui sống của bà chưa hốt. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông **T**.

[4] Xét thấy, tại vụ án dân sự thụ lý số 316/2020/TLST-DS ngày 03/11/2020 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền nợ hui” của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức giữa nguyên đơn ông **Nguyễn Hoàng Bảo T** với bị đơn bà **Trần Thị Thu V** và ông **Huỳnh Văn H**, ông **T** đã yêu cầu bà **V** và ông **H** phải trả số tiền còn thiếu trong 31 dây hui mà bà **V** đã tham gia, tính đến ngày 15/10/2020 là 656.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa ngày 11/5/2021, ông **T** chỉ yêu cầu bà **V** và ông **H** phải trả số tiền 550.000.000 đồng, số tiền 106.000.000 đồng còn lại ông **T** đồng ý miễn cho bà **V** và ông **H**. Hai bên đã đồng ý và Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021, theo đó, bà **V** và ông **H** có trách nhiệm liên đới trả cho ông **T** số tiền 550.000.000 đồng.

[5] Tại vụ án này, ông T tiếp tục yêu cầu bà V và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho ông T các dây hụi như sau:

1. Ngày 15/8/2019 bà V tham gia 2 dây hụi:

- Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, tổng cộng 20 phần, khai ngày 15/8/2019, mãn ngày 15/3/2021. Bà V tham gia 1 phần, hốt ngày 15/9/2019 (kỳ số 2) với số tiền 11.300.000 đồng. Từ ngày 15/10/2020 đến 15/3/2021 bà V còn nợ 5 tháng hụi với số tiền 5.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2019, mãn ngày 15/3/2021, tổng 20 phần, bà V tham gia 02 phần:

+ Phần 1: Bà V hốt hụi vào ngày 15/8/2019 với số tiền 21.800.000 đồng. Bà V nợ tiền hụi từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/3/2021 là 05 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Phần 2: bà V hốt hụi ngày 15/10/2019 với số tiền là 23.230.000 đồng. Bà V nợ tiền hụi từ ngày 15/11/2020 đến ngày 15/3/2021 là 05 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng.

2. Ngày 20/7/2019, bà V tham gia tất cả 02 dây hụi:

- Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/7/2019, mãn ngày 20/02/2021, tổng 20 phần, bà Thu V tham gia 01 phần. Ngày 20/10/2019 bà Thu V đã hốt hụi với số tiền 12.340.000 đồng. Bà V nợ hụi tính từ ngày 20/10/2020 đến ngày 20/02/2021 là 05 tháng với tổng số tiền là 5.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20/7/2019, mãn ngày 20/02/2021, tổng 20 phần, bà Thu V tham gia 03 phần: Phần 1: hốt ngày 20/9/2019 với số tiền 23.315.000 đồng; Phần 2: hốt ngày 20/9/2019 với số tiền 23.400.000 đồng; Phần 3: hốt ngày 20/10/2019 số tiền 24.200.000 đồng. Từ ngày 20/10/2020 đến ngày mãn hụi 20/02/2021 là 05 tháng với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

3. Ngày 30/3/2019, bà Thu V tham gia tất cả 02 dây hụi:

- Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/3/2019, mãn ngày 30/10/2020, tổng 20 phần, bà V tham gia 01 phần và đã hốt ngày 30/4/2019 với số tiền 11.300.000 đồng. Bà V còn nợ 1 tháng hụi ngày 30/10/2020 là 1.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2019, mãn ngày 30/10/2020, tổng 20 phần, bà V tham gia 03 phần: phần 1: hốt ngày 30/3/2019 với số tiền là 23.320.000 đồng; phần 2: hốt ngày 30/4/2019 với số tiền là 22.600.000 đồng; phần 3: hốt ngày 30/7/2019 với số tiền 27.025.000 đồng. Bà V còn nợ 1 tháng hụi ngày 30/10/2020 với tổng số tiền 6.000.000 đồng.

4. Ngày 10/6/2019, bà Thu V tham gia tất cả 02 dây hụi:

- Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/6/2019, mãn ngày 10/01/2021, tổng 20 phần, bà Thu V tham gia 02 phần: Phần 1: hốt ngày 10/6/2019 với số tiền

10.900.000 đồng. Phần 2: hốt ngày 10/7/2019 với số tiền 11.570.000 đồng. Bà vẫn còn nợ tiền hui từ 10/11/2020 đến ngày 10/01/2021 là 03 tháng với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

- Dây 2: Hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2019, mãn ngày 10/01/2021, tổng 20 phần, bà V tham gia 02 phần: phần 1 hốt ngày 10/7/2019 với số tiền 22.330.000 đồng, phần 2 hốt ngày 10/8/2019 với số tiền 25.865.000 đồng. Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 10/01/2021 bà V nợ 03 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng.

Bà V thừa nhận có tham gia các phần hui nêu trên, nhưng cho rằng trách nhiệm trả nợ đã được giải quyết xong tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[6] Bị đơn cho rằng số tiền nợ hui đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2021/QĐST-DS ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức nhưng không được ông T thừa nhận. Bà V cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả số nợ trên. Cấp sơ thẩm buộc bà V và ông H phải trả tiếp các kỳ hui còn thiếu của các dây hui trên là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bà V. Cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[8] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Thu V là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thu V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Bảo T đối với bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H về việc tranh chấp “hợp đồng góp hụi”.

2. Buộc bà Trần Thị Thu V và ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng Bảo T số tiền hụi còn nợ là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu V được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng Bảo T 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0012354 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Thị Thu V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật thi hành./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Lưu Văn Uẩn

